TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa

2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 1126/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Mỹ Ch, sinh năm 1980, cư trú tại: Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BĐ. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Thành H, sinh năm 1980, cư trú tại: Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BĐ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ Ch trình bày:

Chị và anh Võ Thành H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 12-12-2003. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách

không hợp nhau dẫn đến cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, anh Huy thường xúc phạm và đánh đập chị. Sự việc này kéo dài nên cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, đến khoảng năm 2008, chị đã vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và lập nghiệp đến nay. Từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, mạnh ai nấy sống, ai cũng có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã hết. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên Võ Thành Hân, sinh ngày 04/3/2002 và Võ Thành K, sinh ngày 26/4/2004; hai con chung đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung. Hiện tại, chị không có mang thai. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13-4-2023, bị đơn anh Võ Thành H trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị Châu trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, không hoà giải được nên mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Đến năm 2008, chị Châu bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm việc và vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay nên tình cảm không còn. Nay anh thống nhất ly hôn. Anh thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thành Hân, sinh ngày 04/3/2002 và Võ Thành K, sinh ngày 26/4/2004; hai con chung đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân được, nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung, vợ chồng anh tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu; các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ Ch yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn. Cho nên, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ Ch vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Võ Thành H vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Ngô Thị Mỹ Ch và anh Võ Thành H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 12-12-2003, nên hôn nhân giữa chị Châu và anh Huy là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ, lời trình bày của chị Châu, anh Huy là quá trình chung sống giữa chị Châu và anh Huy xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, không hoà giải được nên mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay nên tình cảm đã hết. Chị Châu yêu cầu ly hôn, anh Huy đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Châu yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Huy đồng ý ly hôn, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Châu và anh Huy được ly hôn.

[4] Chị Ngô Thị Mỹ Ch và anh Võ Thành H có 02 con chung tên Võ Thành Hân, sinh ngày 04/3/2002 và Võ Thành K, sinh ngày 26/4/2004; hai con chung đã trưởng thành; chị Châu và anh Huy không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Châu phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Mỹ Ch và anh Võ Thành H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị Mỹ Ch phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001324 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BĐ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BĐ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- UBND xã Phước Sơn, huyện TP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Tú